

Land&Life

VOL.22 | CAO BẰNG | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**
PUBLISHING & MARKETING COMPANY KNOWLEDGE



CAO BẰNG (2021-2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố

Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2021 -2025

22

DEC - 2021

Lưu hành nội bộ



Quý độc giả thân mến,

Ở số tạp chí trước, chúng ta đã cùng đi khám phá Bình Thuận với những mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ mới. Tiếp nối nội dung trên, Land&Life Vol.22 là hành trình đi tìm hiểu về Cao Bằng - một tỉnh thành thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc của Việt Nam.

Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam. Mặc dù xa các trung tâm kinh tế của vùng Đông Bắc và cả nước nhưng Cao Bằng lại có 7 cửa khẩu, điểm thông quan, lối mở biên giới tạo nên địa thế quan trọng trong giao lưu, phát triển kinh tế và ý nghĩa chiến lược trong an ninh quốc phòng. Bên cạnh đó với ưu thế có quần thể di sản văn hóa dày đặc, với hơn 200 di tích, 3 bảo vật quốc gia, 4 di sản phi vật thể quốc gia cùng văn hóa đa sắc tộc và nhiều thắng cảnh thiên nhiên hoang sơ hùng vĩ, Cao Bằng trở thành một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn.

Tận dụng những ưu thế trên, trong nhiệm kỳ mới 2021-2025, tỉnh Cao Bằng đã đề ra 03 nhiệm vụ đột phá chiến lược xây dựng tỉnh: Phát triển du lịch - dịch vụ bền vững, đưa du lịch - dịch vụ Cao Bằng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng Cao Bằng trở thành trung tâm du lịch của các tỉnh khu vực Trung du, miền núi phía Bắc. Phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến nhằm xây dựng thương hiệu, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp, hướng đến xuất khẩu ra thị trường trong và ngoài nước.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.22 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Độ ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

BAN BIÊN TẬP

Tuan

Ho Mau Tuan

Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Chịu trách nhiệm nội dung

VNMedia

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Nguyễn Nguyễn Quang Trung

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL., Sky City Towers

☎ +84 2437767065





06

Tỉnh Cao Bằng



12

TP. Cao Bằng



22

Bảo Lạc



26

Hà Quảng



32

Hạ Lang



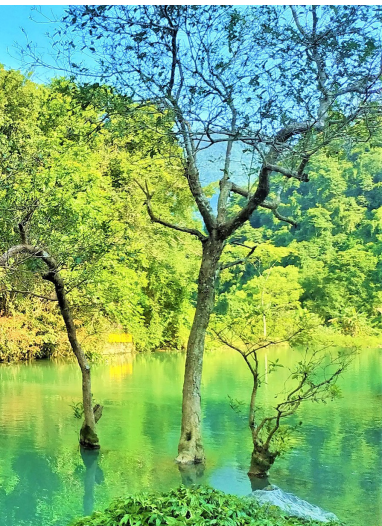
36

Quảng Hòa



18

Bào Lâm



30

Trùng Khánh



42

Nguyễn Bình



48

Thạch An

CAO BẰNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tỉnh Cao Bằng là tỉnh miền núi, vùng cao, thuộc vùng Đông bắc Bộ Việt Nam.

Nằm ở tọa độ địa lý 22022'-23007' vĩ độ Bắc, 105016'-106050' kinh độ Đông, cách thủ đô Hà Nội 286km.

Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Tây-Trung Quốc, có đường biên giới dài trên 311km.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 810,96 km².

Dân số trung bình: 530.341 người.

Mật độ dân số: 79 người/km²





Tỉnh Cao Bằng có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 09 huyện và 01 thành phố; 161 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 139 xã, 08 phường và 14 thị trấn.





Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Giai đoạn 2021 - 2025. Tầm nhìn đến 2030

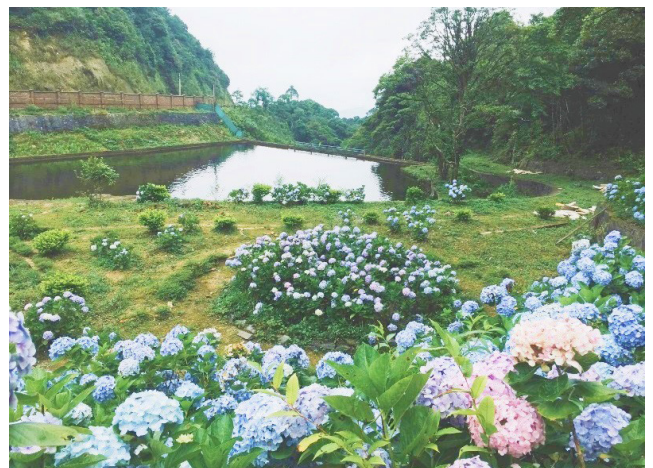
Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy mạnh mẽ nội lực, đổi mới sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt, tạo đột phá mới trên các lĩnh vực; từng bước xây dựng và phát triển kinh tế số; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, thúc đẩy năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, mở rộng hợp tác đối ngoại, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng Cao Bằng năng động, phát triển nhanh và bền vững.





KINH TẾ

- Tổng sản phẩm (GRDP) tăng trưởng bình quân trên 8%/năm; đến hết năm 2025, cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp 16,4%, công nghiệp - xây dựng 32,4%, dịch vụ 48,2%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3%.
- Đến hết năm 2025, GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 60 triệu đồng/người/năm; dự kiến đến hết năm 2030, thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 130 triệu đồng/người/năm, bằng 70% bình quân chung cả nước.
- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua địa bàn tăng bình quân 10%/năm.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân trên 12%/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân trên 11%/năm.
- Đến hết năm 2024, hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) giai đoạn 1; đến hết năm 2025, phấn đấu 85% chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường, 100% xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa.



VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Đến hết năm 2025, có thêm 30 trường đạt chuẩn quốc gia.
- Đến hết năm 2025, 75% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; duy trì 15 bác sĩ/1 vạn dân; 35 giường bệnh/1 vạn dân; tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 98,7%.
- Đến hết năm 2025, tỉ lệ gia đình văn hóa 85%; tỉ lệ khu dân cư văn hóa 60%; tỉ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 95%; tỉ lệ khu dân cư có nhà văn hóa 85%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) bình quân trên 4%/năm.
- Đến hết năm 2025, tỉ lệ lao động qua đào tạo 50%, trong đó đào tạo nghề 40%; giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống 3%
- Đến hết năm 2025, số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 50 xã, trong đó 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.





MÔI TRƯỜNG

- Đến hết năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng 60%.
- Đến hết năm 2025, phần đầu 100% cư dân thành thị được dùng nước sạch; trên 95% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.
- Đến hết năm 2025, phần đầu 100% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở.
- Đến hết 2025, tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 90%; tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

XÂY DỰNG ĐẢNG

Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 80%; bình quân hằng năm kết nạp mới trên 2.000 đảng viên

TP. CAO BẰNG



TỔNG DIỆN TÍCH THỊ XÃ CAO BẰNG: 10888.95 HA
(Theo số liệu thống kê đất đai năm 2014)

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường Sông Hiến	1026.85
2	Phường Sông Bằng	781.60
3	Phường Hợp Giang	92.07
4	Phường Tân Giang	453.13
5	Phường Ngọc Xuân	648.99
6	Phường Đế Thích	1175.68
7	Xã Hoà Chung	517.12
8	Xã Duyệt Trung	996.60
9	Xã Chu Trinh	2864.02
10	Xã Vinh Quang	1676.56
11	Xã Hưng Đạo	1013.93





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Cao Bằng là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, chính trị của tỉnh Cao Bằng và là một trong những trung tâm kinh tế của vùng Đông Bắc Bộ, có vị trí địa lý:

Phía Nam giáp huyện Thạch An

Các phía còn lại giáp huyện Hòa An.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 107,12 km².

Dân số trung bình: 73.549 người.

Mật độ dân số: 687 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Cao Bằng có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 8 phường: Đề Thám, Duyệt Trung, Hòa Chung, Hợp Giang, Ngọc Xuân, Sông Bằng, Sông Hiến, Tân Giang và 3 xã: Chu Trinh, Hưng Đạo, Vĩnh Quang.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Phát huy tiềm năng, lợi thế, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, quản lý, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển bền vững. Cùng cố vững chắc an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế - xã hội.





KINH TẾ

- Cơ cấu ngành kinh tế: Thương mại - Dịch vụ 70%; Công nghiệp - xây dựng 27%; Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản 3%.
- Giá trị sản xuất công nghiệp đạt bình quân 2.300 tỷ đồng/năm.
- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu thương mại dịch vụ đạt bình quân 5.800 tỷ đồng/năm.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt bình quân 250 tỷ đồng/năm.
- Thu ngân sách nhà nước (không bao gồm thu từ sử dụng đất) trên địa bàn tăng bình quân trên 12,5%/năm.
- Đến năm 2025 có ít nhất một xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Hoàn thành hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận thành phố Cao Bằng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Phần đầu trong giai đoạn 2020-2025 đón 1,5 triệu lượt khách du lịch đến thành phố.
- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 86%; tỷ lệ xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt trên 63%; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 95%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1,2%.
- Mỗi năm có từ 1.900 lao động trở lên được giải quyết việc làm.
- Tăng ít nhất 05 trường chuẩn Quốc gia và duy trì chất lượng các trường đạt chuẩn Quốc gia theo cấp học.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi dưới 11,3%.

ĐÔ THỊ - MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí hạ tầng kỹ thuật đô thị theo yêu cầu đô thị loại II:

- Có trên 85% đường ngõ, xóm được chiếu sáng.
- Trồng mới 5.000 cây xanh đô thị.
- Có tối thiểu 20 tuyến đường, tuyến phố đạt tuyến phố văn minh đô thị.
- 100% hộ dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có 55% hộ dân được sử dụng nước sạch.
- 100% Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý ở khu vực nội thành đạt 100%; khu vực nông thôn được thu gom và xử lý đạt tối thiểu 90%.





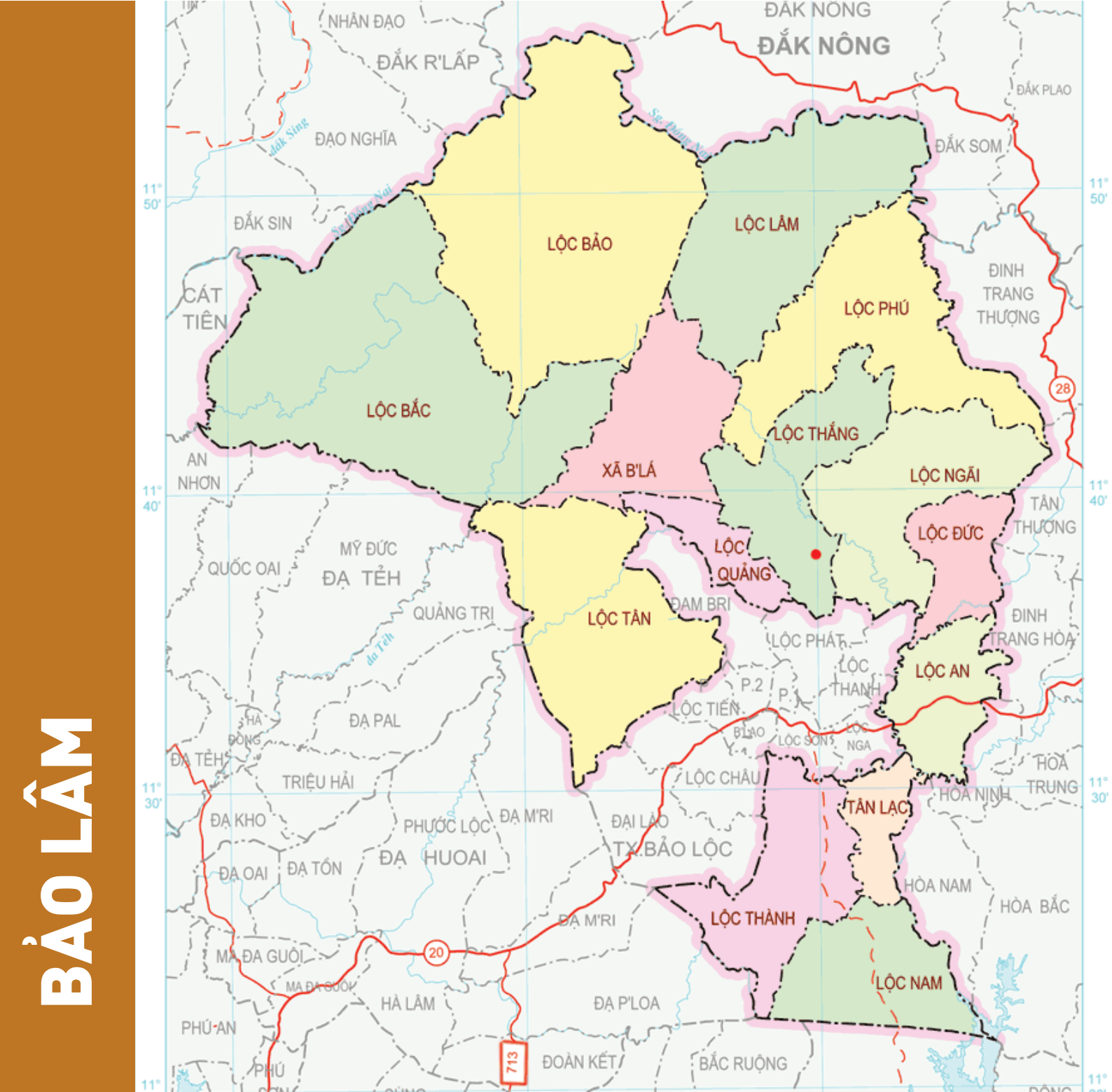
HÀNH CHÍNH

- Hàng năm chính quyền thành phố và 100% chính quyền phường, xã được xếp hạng chính quyền điện tử mức độ III.
- Phấn đấu xếp hạng 03 trở lên trong tỉnh về thực hiện Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI) hàng năm.
- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới ít nhất 05 trụ sở phường, xã đảm bảo tiêu chuẩn.

XÂY DỰNG ĐẢNG

- Hàng năm có trên 80% chi, đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; trên 80% đảng viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Cả nhiệm kỳ kết nạp 500 đảng viên mới trở lên.



[illegible]

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Bảo Lâm nằm ở phía Tây của tỉnh Cao Bằng, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Bảo Lạc

Phía Tây giáp huyện Yên Minh và huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang

phía Nam giáp huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang và huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

Phía Bắc giáp huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang và thành phố Sùng Tả, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc với đường biên giới dài 8 km tại xã Đức Hạnh.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 913,06 km².

Dân số trung bình: 65.025 người.

Mật độ dân số: 71 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bảo Lâm có 13 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 12 (Đức Hạnh, Lý Bôn, Mông Ân, Nam Cao, Nam Quang, Quảng Lâm, Thạch Lâm, Thái Học, Thái Sơn, Vĩnh Phong, Vĩnh Quang, Yên Thổ) xã và 01 thị trấn Pác Miầu.





Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Giai đoạn 2021 - 2025. Tầm nhìn đến 2030

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ huyện đề ra 3 chương trình trọng tâm: Chương trình đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ gắn với trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức nhất là người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ; Chương trình đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; Chương trình xây dựng và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2020 - 2025 và nội dung đột phá là phát triển nông nghiệp an toàn theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ.

BẢO LẠC

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Bảo Lạc nằm ở phía Tây của tỉnh Cao Bằng, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Hà Quảng

Phía Tây giáp huyện Bảo Lâm

Phía Nam giáp huyện Nguyên Bình và huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

Phía Bắc giáp thành phố Sùng Tả thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

DIỆN TÍCH DÂN SỐ

Diện tích: 920,72 km².

Dân số trung bình: 54.420 người.

Mật độ dân số: 59 người/km².





Managed by 23

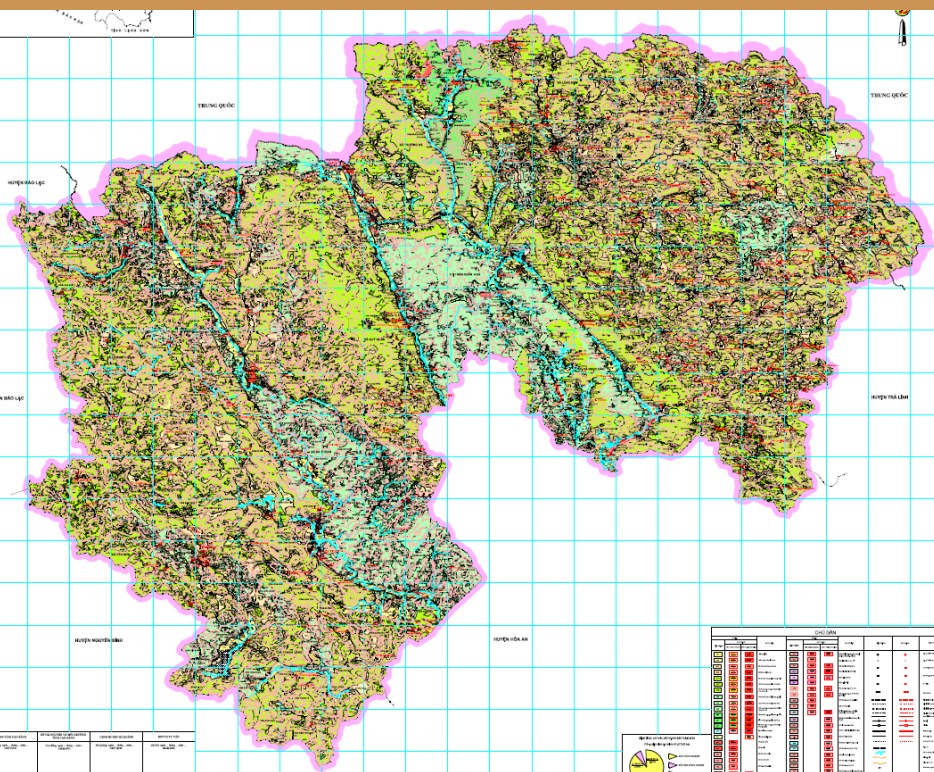
Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính

Giai đoạn 2021 - 2025. Tầm nhìn đến 2030

Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy mạnh mẽ nội lực, không ngừng đổi mới tư duy, sức sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân; chủ động, quyết tâm, quyết liệt có trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên tất cả các lĩnh vực, tạo ra một số đột phá mới trong nông nghiệp nông thôn, du lịch, dịch vụ; đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút và huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế hạ tầng; mở rộng quan hệ hợp tác đối ngoại; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; xây dựng huyện Bảo Lạc phát triển bền vững.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 36 triệu đồng/người/năm.
- Giá trị sản phẩm nông nghiệp đạt trên 35 triệu đồng/ha.
- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng bình quân 8%/năm.
- Thu ngân sách hằng năm bình quân tăng trên 12% so.
- 2 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.
- Tỷ lệ xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá 70%.
- Số cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hoá đạt 95% trở lên.
- Tỷ lệ xóm, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 100%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 4 %/năm trở lên.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 50%.
- Trên 80% tổ chức cơ sở đảng hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Bình quân kết nạp 130 đảng viên mới/năm...

HÀ QUẢNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Hà Quảng nằm ở phía Bắc tỉnh Cao Bằng, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Trùng Khánh

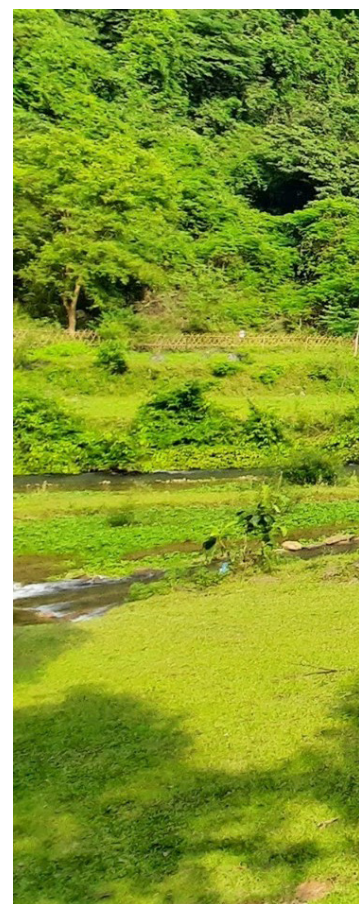
Phía Tây giáp huyện Bảo Lạc

Phía Nam giáp huyện Hòa An và huyện Nguyên Bình

Phía Bắc giáp Trung Quốc.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, quyết tâm xây dựng huyện Hà Quảng. Khởi dậy niềm tự hào và ý chí khát vọng vươn lên, năng động, sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn, thách thức; huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phân đầu đến năm 2025 huyện Hà Quảng cơ bản thoát khỏi huyện nghèo.

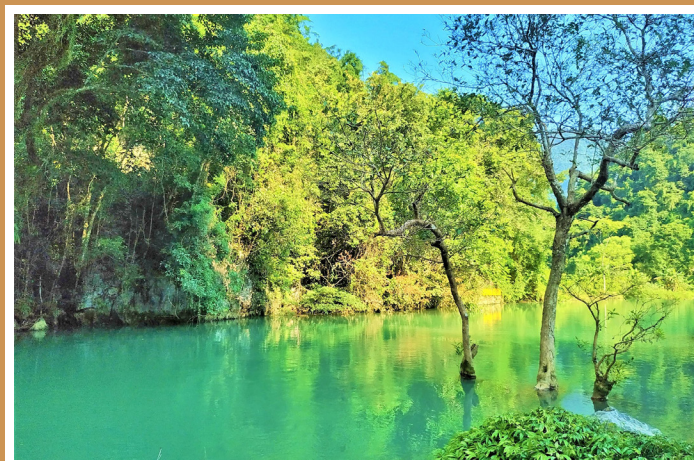


DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 810,96 km².

Dân số trung bình: 59.467 người.

Mật độ dân số: 73,3 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hà Quảng có 21 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 19 xã: Cải Viên, Cần Nông, Cần Yên, Đa Thông, Hồng Sỹ, Lũng Nặm, Lương Can, Lương Thông, Mã Ba, Ngọc Đào, Ngọc Động, Nội Thôn, Quý Quân, Sóc Hà, Thanh Long, Thượng Thôn, Tổng Cột, Trường Hà, Yên Sơn và 02 thị trấn: Thông Nông, Xuân Hòa.

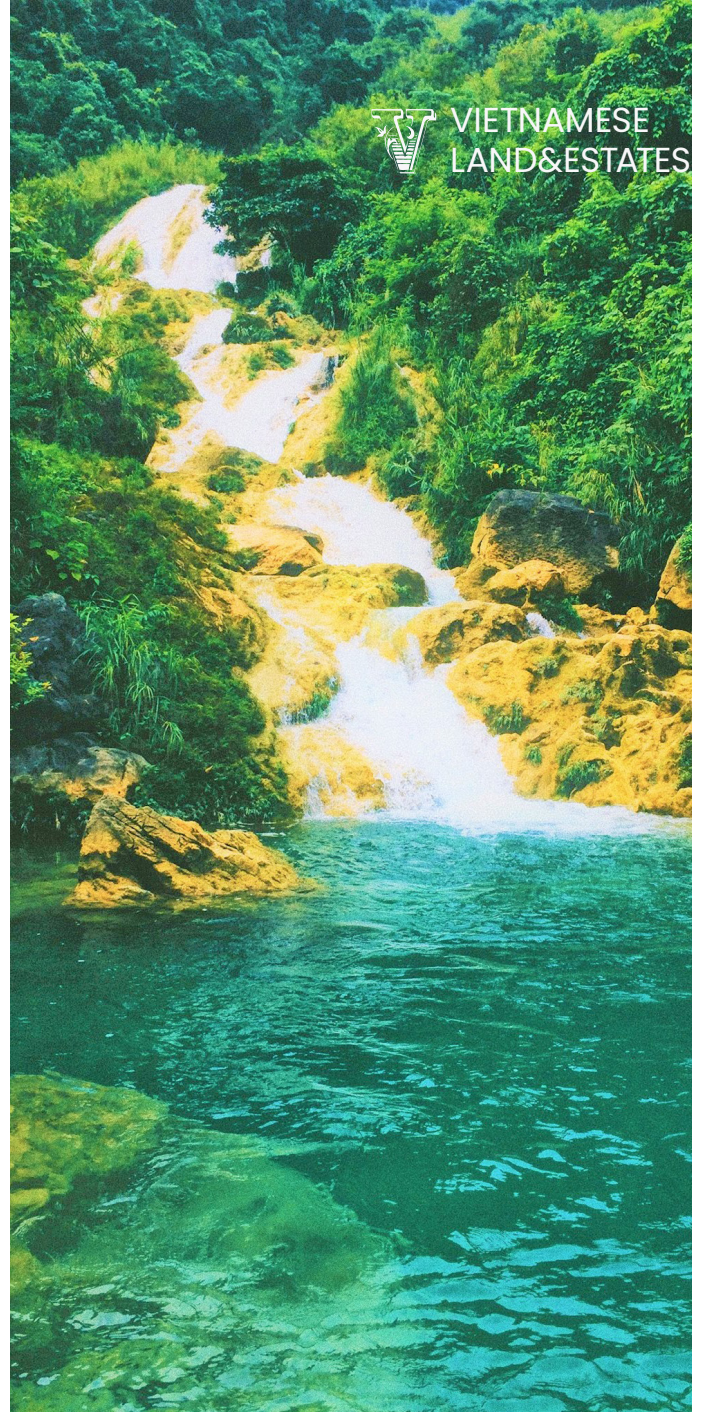


KINH TẾ

- Thu nhập bình quân đầu người đến hết năm 2025 đạt trên 29 triệu đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn bình quân tăng trên 10%/năm.
- Sản phẩm tổng sản lượng lương thực có hạt trên 158.000 tấn/cả giai đoạn; giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 39,5 triệu đồng/ha. Trong đó: vùng thấp 64,8 triệu đồng, vùng cao 36 triệu đồng.
- Cây công nghiệp ngắn ngày, sản phẩm đến hết năm 2025: thuốc lá tổng diện tích 4.500 ha, sản lượng đạt 11.477 tấn/cả giai đoạn; diện tích trồng lạc 3.850 ha/cả giai đoạn; gừng trâu diện tích 650 ha/cả giai đoạn.
- Tốc độ phát triển chăn nuôi sản phẩm đến hết năm 2025: Đàn bò 20.586 con, tăng bình quân 2%/năm; đàn trâu 13.236 con, tăng bình quân 1,5%/năm; đàn lợn 48.666 con, tăng bình quân 3%/năm; tổng đàn gia cầm 289.975 con, tăng bình quân 4%/năm.
- Số xã được công nhận tiêu chí nông thôn mới: 04 xã.
- Cải tạo, nâng cấp 70% đường từ huyện đến các xã, 100% xóm có đường ô tô đến trung tâm xóm (trong đó: 85% chiều dài các tuyến đường được cứng hóa); đầu tư xây dựng mới trên 3km đường nội thị.

VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; mỗi năm có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia.
- Đến hết năm 2025, 100% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; giảm tỷ suất sinh bình quân 0.1%/năm.
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng bình quân 1%/năm.
- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa 85%; tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa trên 60%; cải tạo, nâng cấp, xây mới mỗi năm 10 nhà văn hóa; số cơ quan đơn vị trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 95%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 50%, trong đó đào tạo nghề 30%; phấn đấu đến năm 2025, lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội trên 30%, tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên 10%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân trên 4%/năm.



MÔI TRƯỜNG

- Nâng độ che phủ rừng đến hết năm 2025 lên 51,4%.
- Đến năm 2025 phấn đấu 100% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở.
- Nước sinh hoạt vùng cao phấn đấu cả giai đoạn đạt 50 lít/người/ngày. 100% hộ dân trên địa bàn có điện sinh hoạt.





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

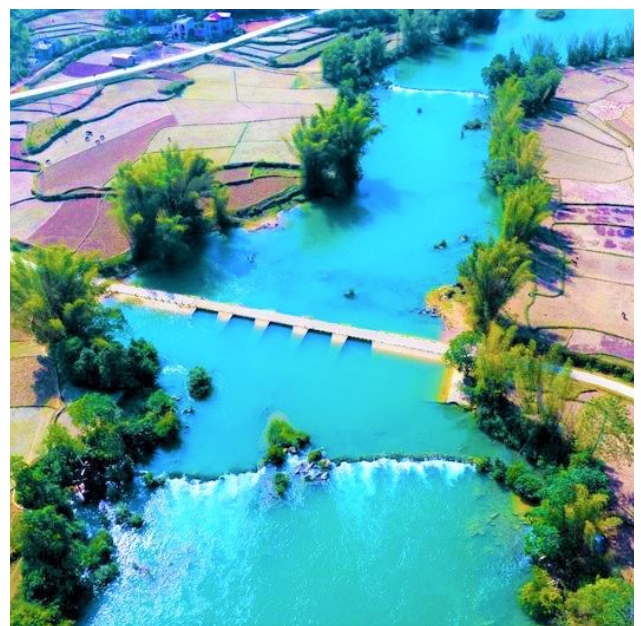
Huyện Trùng Khánh giáp các huyện Hà Quảng, Hạ Lang, Hòa An, Quảng Hòa và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 688,01 km².

Dân số trung bình: 70.424 người.

Mật độ dân số: 102,4 người/km²



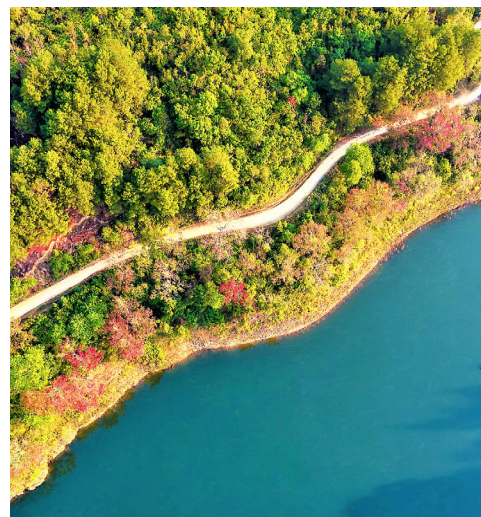
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Trùng Khánh có 21 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 19 xã: Cao Chương, Cao Thăng, Chí Viễn, Đàm Thủy, Đình Phong, Đoàn Dương, Đức Hồng, Khâm Thành, Lăng Hiếu, Ngọc Côn, Ngọc Khê, Phong Châu, Phong Nặm, Quang Hán, Quang Trung, Quang Vinh, Tri Phương, Trung Phúc, Xuân Nội và 02 thị trấn: Hùng Quốc, Trùng Khánh.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành của chính quyền các cấp, tập trung mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, phát huy các tiềm năng thế mạnh của địa phương, phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế, xã hội, nhất là lĩnh vực du lịch, dịch vụ góp phần bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nâng cao năng lực quản lý, cải các hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm an sinh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.





HẠ LANG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Hạ Lang nằm ở phía Đông tỉnh Cao Bằng, có vị trí địa lý:

Phía Tây giáp huyện Trùng Khánh và huyện Quảng Hòa

Các phía còn lại giáp tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 810,96 km².

Dân số trung bình: 25.439 người.

Mật độ dân số: 56 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hạ Lang có 13 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 12 (An Lạc, Cô Ngân, Đức Quang, Đồng Loan, Kim Loan, Lý Quốc, Minh Long, Quang Long, Thắng Lợi, Thị Hoa, Thống Nhất, Vĩnh Quý) xã và 01 thị trấn Thanh Nhật.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tăng cường xây dựng chính đồn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy nội lực, không ngừng đổi mới tư duy, sức sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt, tạo bước đột phá; đẩy mạnh cải cách hành chính phát huy tiềm năng thể mạnh, mở rộng hợp tác đối ngoại, huy động mọi nguồn lực thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phấn đấu đưa huyện Hạ Lang phát triển năng động, bền vững.



- Thu nhập bình quân đầu người lớn hơn 36 triệu VNĐ/người/năm.
- Giá trị sản phẩm trồng trọt/1ha diện tích đất canh tác đạt trên 36 triệu đồng/năm.
- Thu ngân sách trên địa bàn: tăng 10%/năm trở lên.
- Thành lập mới: 01 HTX/năm; Giá trị sản sản xuất công nghiệp: 18 tỷ đồng/năm.
- Bê tông hóa đường giao thông nông thôn mỗi năm 5km trở lên.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo: 4%/năm.
- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ: 13/13 xã, thị trấn.
- Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia: 01 trường /năm.
- 100% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.
- Đến năm 2025 có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã còn lại đạt từ 12 tiêu chí trở lên; có trên 20 xóm đạt chuẩn xóm nông thôn mới.
- 84% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.
- 57% đạt danh hiệu làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa.
- 92% đạt danh hiệu cơ quan, đơn vị văn hóa.
- Duy trì độ che phủ rừng: 60,9%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh trên: 96%.
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi đưa chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở đạt 100%.
- Hằng năm 80% tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó 15 - 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Bình quân hằng năm kết nạp mới 90 Đảng viên trở lên.
- Kiểm tra, giám sát trên 50% Chi, Đảng bộ trực thuộc.

QUẢNG HÒA



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Quảng Hòa giáp các huyện Hạ Lang, Hòa An, Thạch An, Trùng Khánh và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 668,95 km².

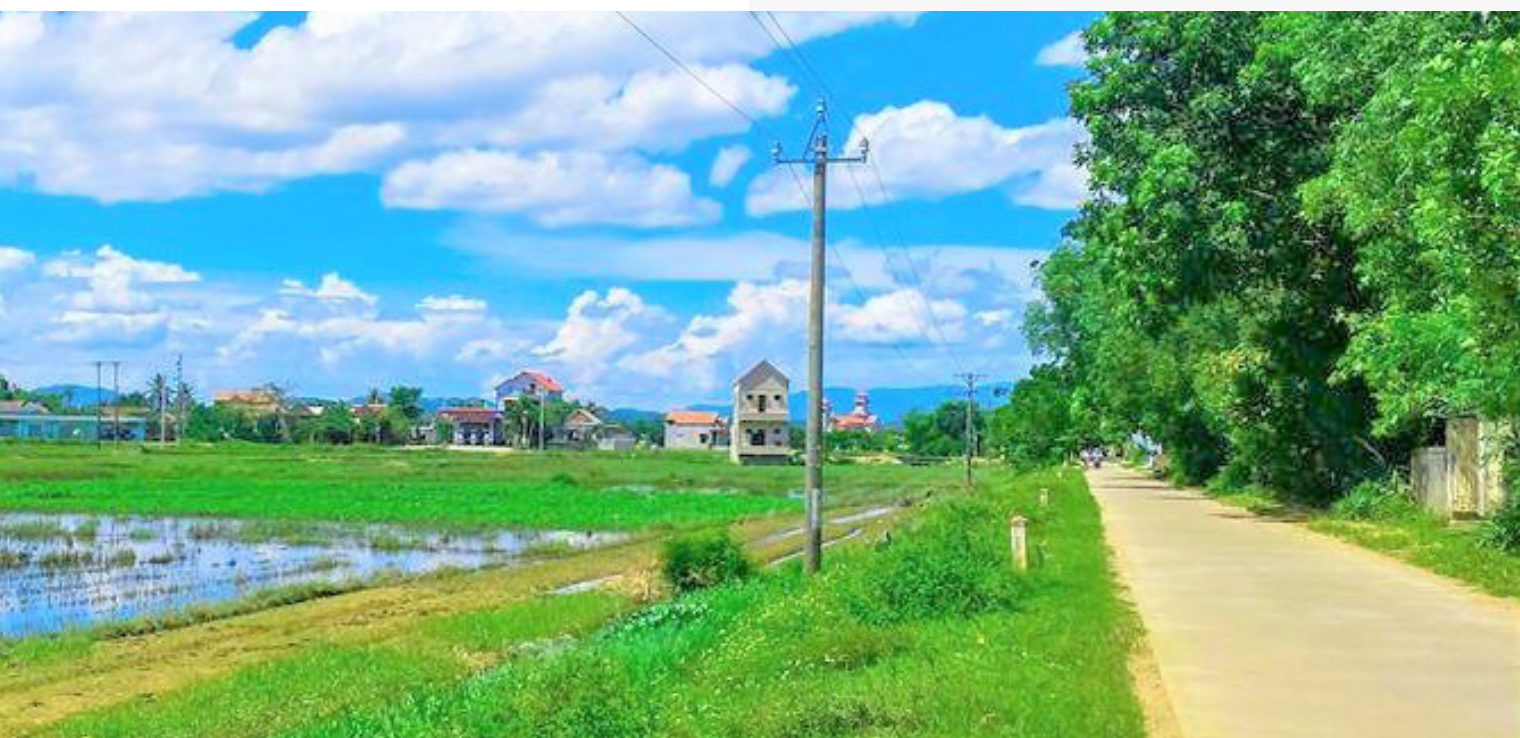
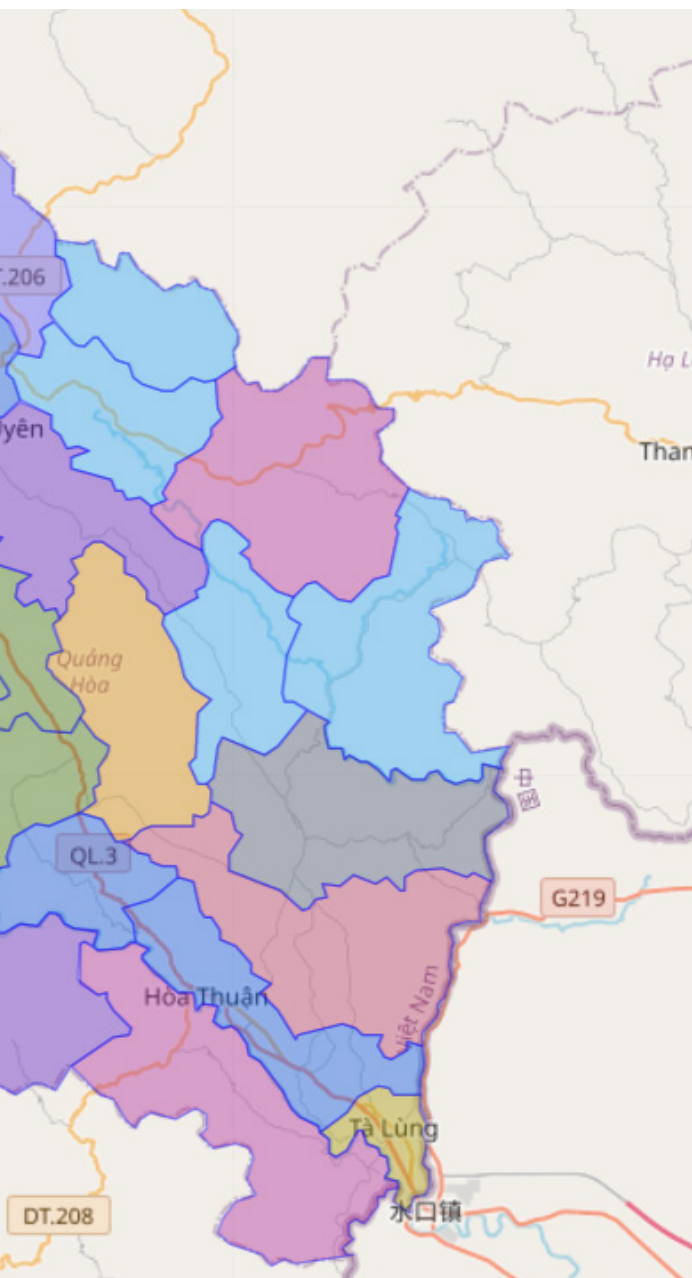
Dân số trung bình: 66.620 người.

Mật độ dân số: 99,6 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Quảng Hòa có 19 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 16 xã: Bế Văn Đàn, Cách Linh, Cai Bộ, Chí Tháo, Đại Sơn, Độc Lập, Hạnh Phúc, Hồng Quang, Mỹ Hưng, Ngọc Động, Phi Hải, Phúc Sen, Quảng Hưng, Quốc Toàn, Tiên Thành, Tự Do và 03 thị trấn: Hòa Thuận, Quảng Uyên, Tà Lùng.

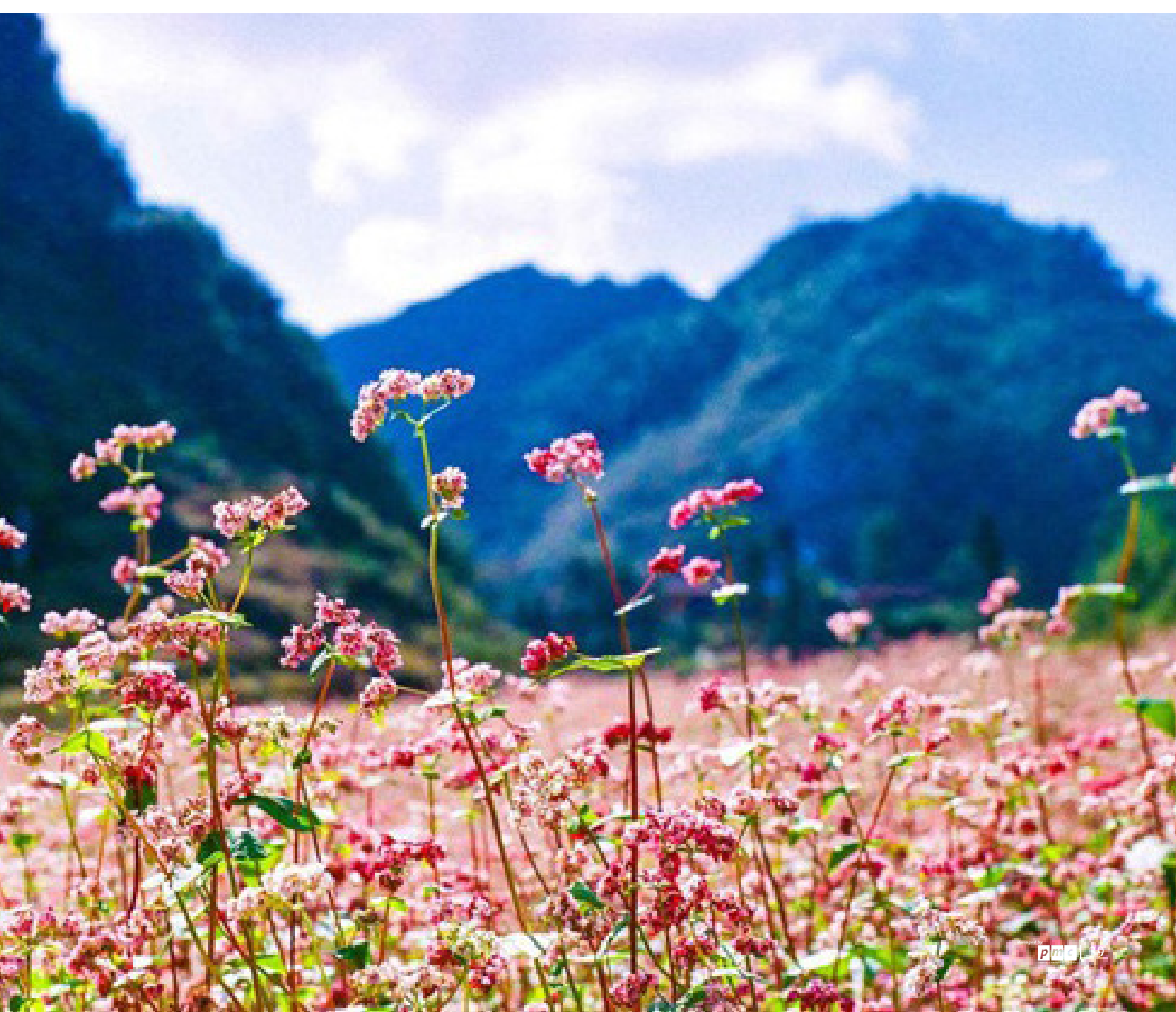
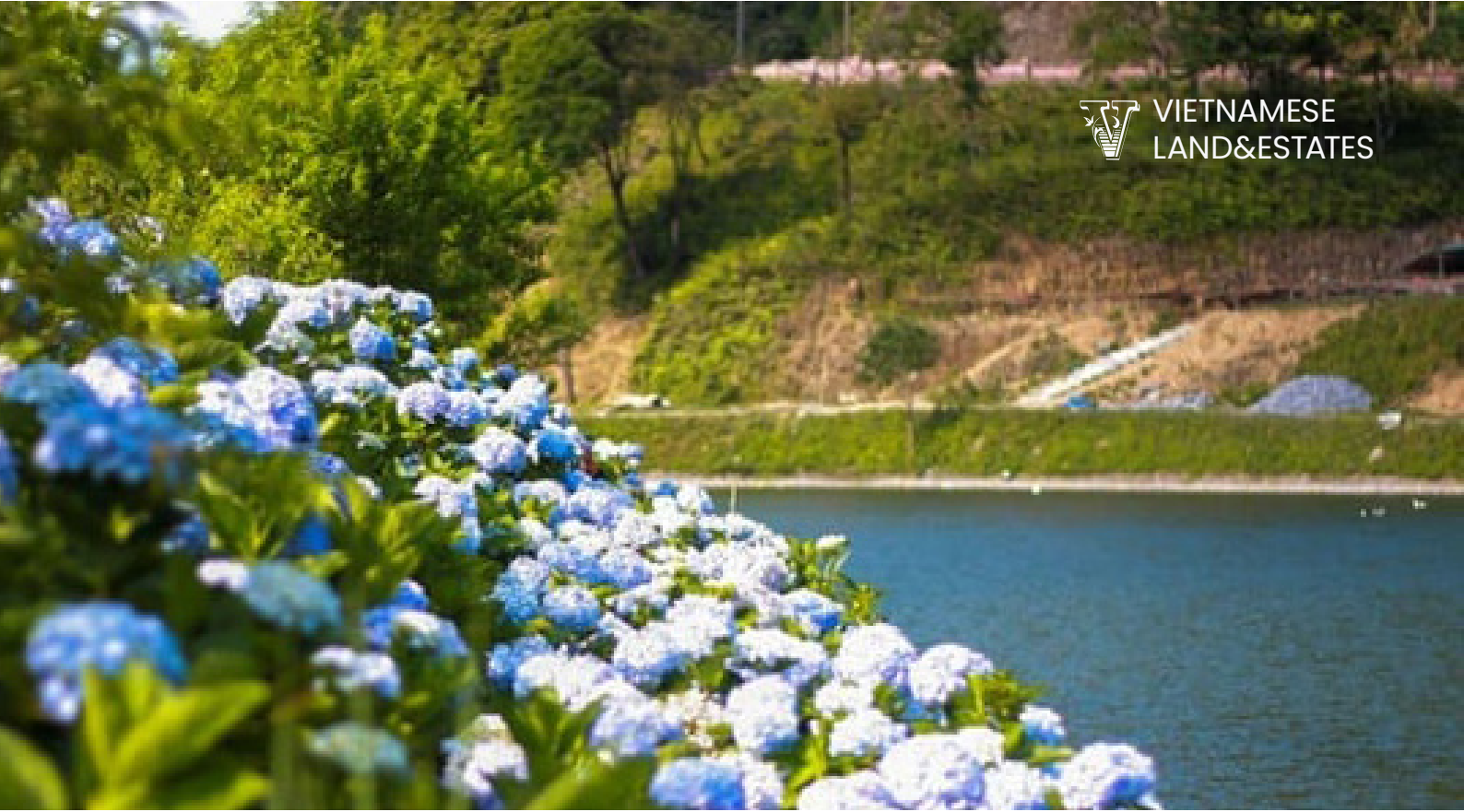


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

“Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, khích lệ tinh thần đổi mới, sáng tạo, ý chí, khát vọng vươn lên của các tầng lớp nhân dân; huy động tối đa mọi nguồn lực, xây dựng huyện Quảng Hòa trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực miền Đông tỉnh Cao Bằng”

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp từ 3 - 5%/năm; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 8 - 10%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng trên 10% /năm.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp 55 triệu đồng/ha; bình quân đạt 55 - 60 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 10%/năm.
- Tăng 10 trường đạt chuẩn quốc gia.
- Trên 86% gia đình đạt văn hóa, 85% xóm, tổ dân phố đạt văn hóa, 97% cơ quan, đơn vị đạt văn hóa, 90% khu dân cư có nhà văn hóa.
- Giảm trên 5% hộ nghèo/năm.
- Đến năm 2025, có 12/19 xã đạt chuẩn NTM, trong đó có 2 xã đạt chuẩn NTM nâng cao.
- Đô thị Phục Hòa và thị trấn Quảng Uyên đạt tiêu chí đô thị loại IV.
- Kết nạp 1.000 đảng viên trở lên.
- Duy trì 100% xóm, tổ dân phố có chi bộ đảng.
- Hàng năm trên 80% tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Trên 80% đảng viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên...





HÒA AN



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Hòa An nằm ở trung tâm tỉnh Cao Bằng, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Hà Quảng

Phía Đông Bắc giáp huyện Trùng Khánh

Phía Đông giáp huyện Quảng Hòa

Phía Nam giáp huyện Thạch An

Phía Tây giáp huyện Nguyên Bình.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 665,34 km².

Dân số trung bình: 52.762 người.

Mật độ dân số: 87 người/km²

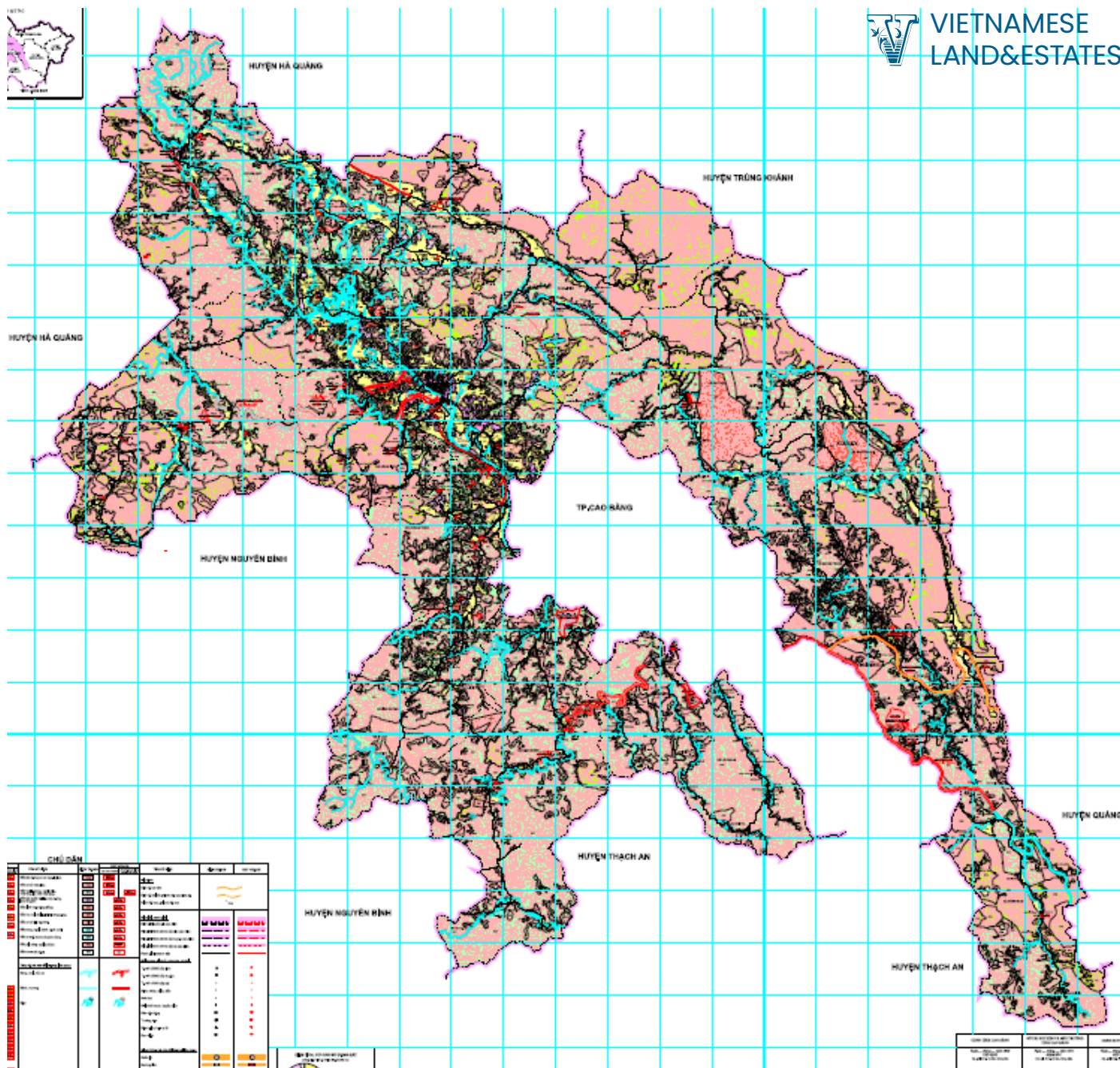
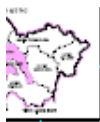
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hòa An có 15 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 14 xã (Bạch Đằng, Bình Dương, Dân Chủ, Đại Tiến, Đức Long, Hoàng Tung, Hồng Nam, Hồng Việt, Lê Chung, Nam Tuấn, Ngũ Lão, Nguyễn Huệ, Quang Trung, Trương Lương) và 01 thị trấn Nước Hai.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, hoạt động chính quyền hiệu lực, hiệu quả; phát huy nội lực và sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; phân đầu xây dựng huyện Hòa An phát triển toàn diện, bền vững”





- Thu nhập bình quân đầu người 36,7 triệu đồng/người/năm.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích đạt từ 70 triệu đồng/ha.
- Thu ngân sách tăng bình quân 10%/năm.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3,0%/năm.
- Tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 90%, trong đó 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Mỗi năm kết nạp 150 đảng viên mới...

NGUYỄN BÌNH

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

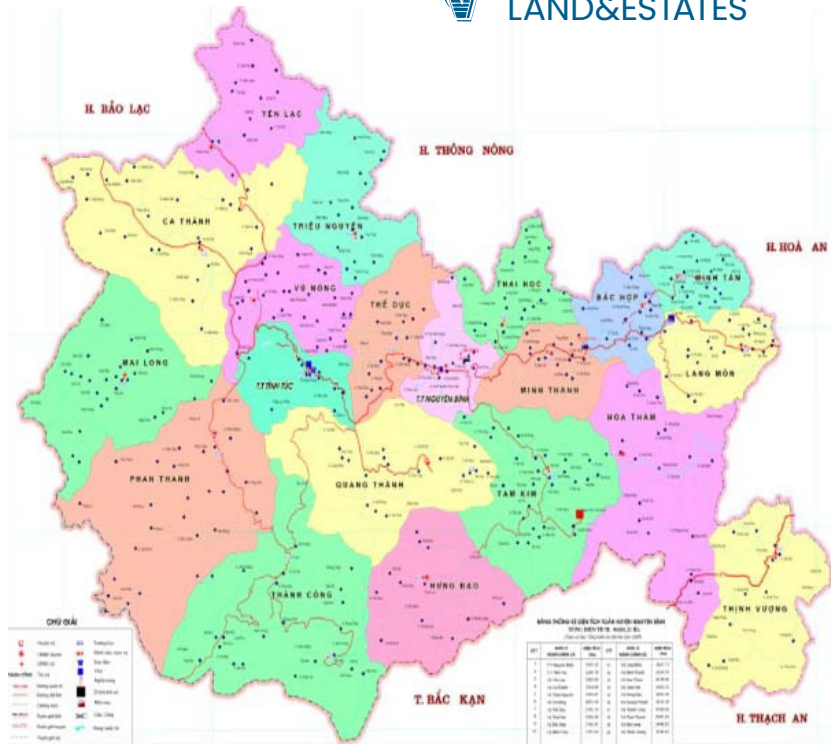
Nguyên Bình là huyện miền núi vùng cao của tỉnh Cao Bằng, có tọa độ địa lý 22°29'30"B - 22°48'08"B; 105°43'42"Đ - 106°10'28"Đ với vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Hòa An và huyện Thạch An

Phía Tây giáp huyện Bảo Lạc và huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

Phía Nam giáp huyện Ngân Sơn và huyện Ba Bể thuộc tỉnh Bắc Kạn

Phía Bắc giáp huyện Hà Quảng và huyện Hòa An.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 841 km².

Dân số trung bình: 39.654 người.

Mật độ dân số: 47 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nguyên Bình có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Nguyên Bình, Tĩnh Túc và 15 xã: Ca Thành, Hoa Thám, Hưng Đạo, Mai Long, Minh Tâm, Phan Thanh, Quang Thành, Tam Kim, Thành Công, Thệ Dục, Thịnh Vương, Triệu Nguyên, Vũ Minh, Vũ Nông, Yên Lạc.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025: TẦM NHÌN ĐẾN 2030

*“Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch,
vững mạnh, phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc,
huy động mọi nguồn lực, phấn đấu xây dựng Nguyên
Bình trở thành huyện khá của tỉnh”*

KINH TẾ

- Hết năm 2025, giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 01 đơn vị diện tích (ha) đạt trên 40 triệu đồng.
- Phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân mỗi năm tăng 10%

MÔI TRƯỜNG

- Hết năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 65%.
- Hết năm 2025, dân cư được dùng nước hợp vệ sinh 92,5%.
- Hết năm 2025 tỷ lệ chất thải sinh hoạt khu vực thị trấn Nguyên Bình, thị trấn Tĩnh túc được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 76,2%.

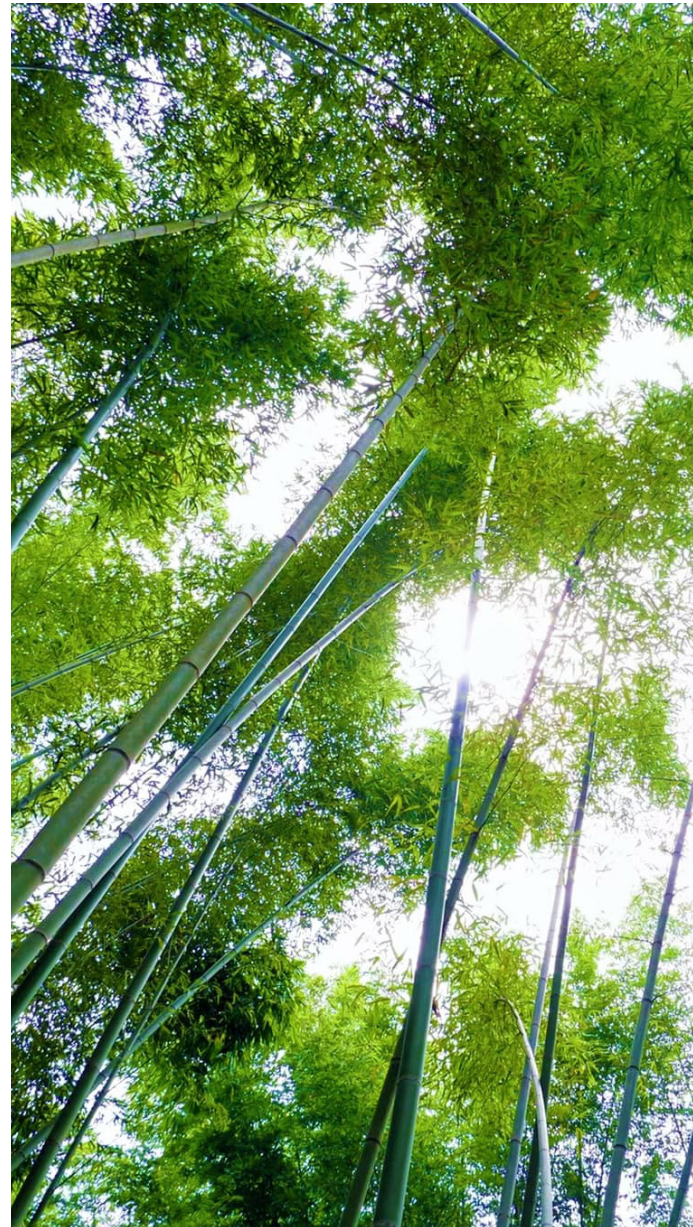
XÂY DỰNG ĐẢNG

- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 80 %; Phấn đấu kết nạp mới: 500 đảng viên trở lên.

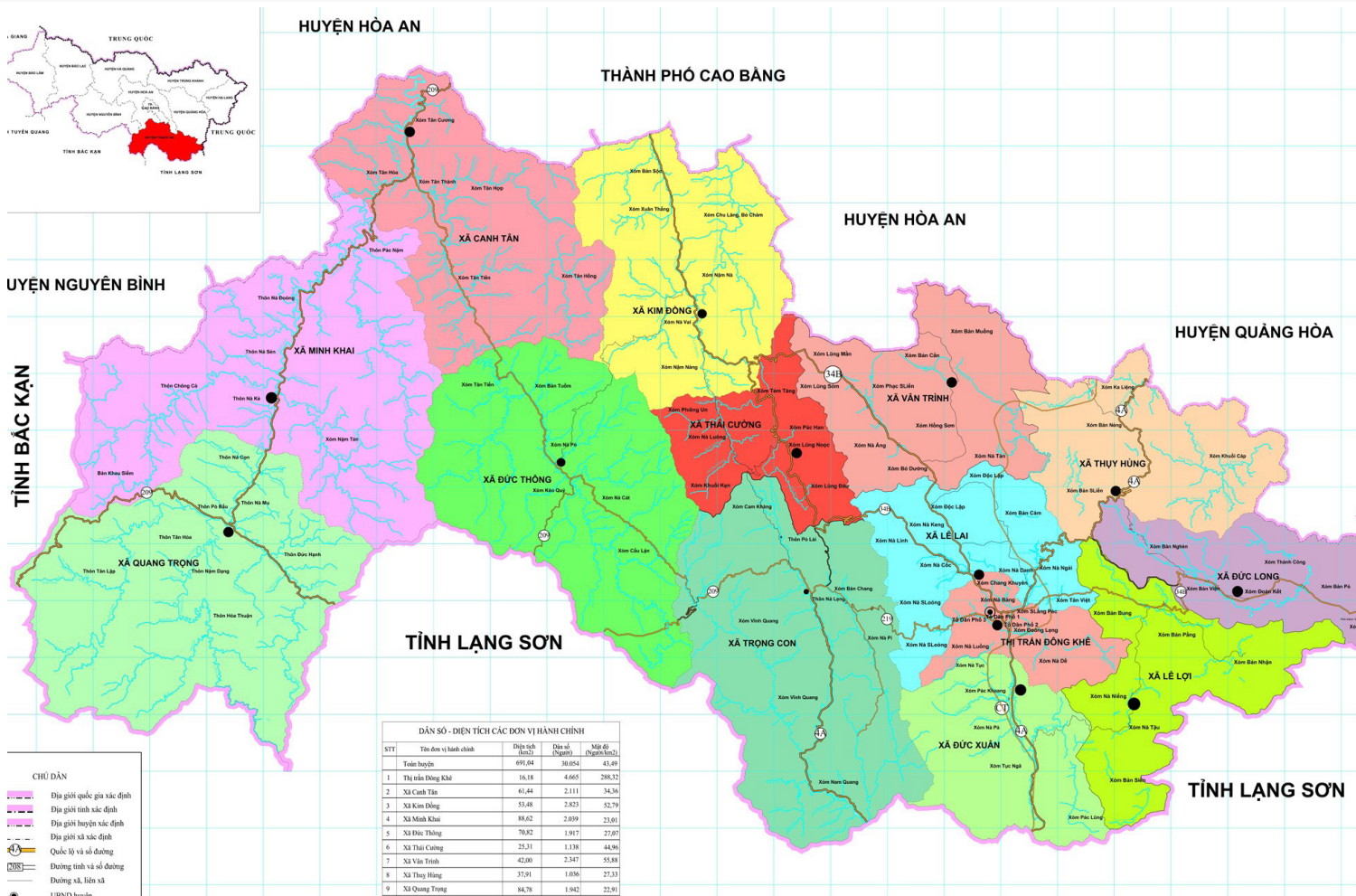


VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Hết năm 2025, tỷ lệ gia đình văn hoá đạt từ 82% trở lên; tỷ lệ xóm, tổ dân phố văn hoá đạt từ 65% trở lên; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học văn hoá đạt từ 92% trở lên.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; hết năm 2025, có thêm 05 trường đạt chuẩn Quốc gia.
- Hết năm 2025, tăng thêm 03 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; Đạt 29 giường bệnh, 12 bác sỹ /1 vạn dân; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 97%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) bình quân/năm: 3,5%/năm.
- Hết năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 25%, trong đó đào tạo nghề 12%. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thị trấn Nguyên Bình và Tỉnh Túc xuống còn 0,02 % năm 2025; giải quyết việc làm mới trung bình 650 lao động/năm.
- Hết năm 2025, số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 02 xã.



THẠCH AN



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Thạch An nằm ở phía Đông Nam tỉnh Cao Bằng, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thành phố Sông Tả thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc

Phía Tây giáp huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn

Phía Nam giáp huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn và huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

Phía Bắc giáp thành phố Cao Bằng và huyện Hòa An, huyện Quảng Hòa, huyện Nguyên Bình.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 687,4 km².

Dân số trung bình: 29.820 người.

Mật độ dân số: 43 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Thạch An có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Đông Khê và 13 xã: Canh Tân, Đức Long, Đức Thông, Đức Xuân, Kim Đồng, Lê Lai, Lê Lợi, Minh Khai, Quang Trọng, Thái Cường, Thụy Hùng, Trọng Con, Vân Trình.



Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính

Giai đoạn 2021 - 2025. Tầm nhìn đến 2030

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 45 triệu đồng/người/năm.
- Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên một đơn vị diện tích (ha) đạt 50 triệu đồng.
- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua địa bàn tăng bình quân 10%/năm.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân trên 10%/năm.
- Phấn đấu mỗi năm 01 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, duy trì các xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 99,8% dân số được tham gia BHYT.
- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 89%; tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa 85%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa 95%; tỷ lệ tổ dân phố, xóm có nhà văn hóa 100%; tỷ lệ xã có nhà văn hóa đạt 40%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 4%/năm.
- Phấn đấu có thêm 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt trên 90%, trong đó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm đạt 20%; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 80%....





Danh sách các Cơ quan, Ban ngành tỉnh Cao Bằng

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	LIÊN HỆ
UBND Tỉnh Cao Bằng	Số 011 - Đường Hoàng Đình Giọng – Thành Phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	Email: portal@caobang.gov.vn Điện thoại: 02063.852.139
UBND Thành phố Cao Bằng	Số 032 Đàm Quang Trung, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng	Email: ubndthanhpho@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3852293
UBND Huyện Bảo Lâm	Khu 4 - Thị trấn Bảo Lâm - Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng	Email: ubndbaolam@caobang.gov.vn - Điện thoại: 0206.3885.019
UBND Huyện Hà Quảng	Thị trấn Xuân Hòa, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Email: ubndhaquang@caobang.gov.vn Điện Thoại: 0206.3862301
UBND Huyện Nguyên Bình	Tổ dân phố 3 ,Thị trấn Nguyên Bình, Huyện Nguyên Bình, Tỉnh Cao Bằng	Email: ubndnguyenbinh@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3 872 104
UBND Huyện Thạch An	Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, Tỉnh Cao Bằng	Email: vanphongta@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3840.081
UBND Huyện Bảo Lạc	Tổ DP 2 - Thị trấn Bảo Lạc - huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng	Email: ubndbaolac@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3870.212
UBND Huyện Hạ Lang	Thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Email: ubndhalang@caobang.gov.vn
UBND Huyện Hòa An	Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Email: ubndhoaan@caobang.gov.vn Điện thoại 0206. 3861117
UBND Huyện Quảng Hòa	Tổ dân phố Hồng Thái Mới - Thị trấn Quảng Uyên – Huyện Quảng Hòa - Tỉnh Cao Bằng	Email: ubndquanghoa@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3820.381
UBND Huyện Trùng Khánh	Tổ 5 - Thị trấn Trùng Khánh - huyện Trùng Khánh – tỉnh Cao Bằng	Email: ubndtrungkhanh@caobang.gov.vn Điện thoại 02063.826.202
Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Km 4 - Phường Đề Thám - Thành phố Cao Bằng	Email: banql daxdcncb@gmail.com Điện thoại: 02063.853.445
Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Cao Bằng	Số 035 Bế Văn Đàn, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng	Email: vanphong.socaobang@moet.edu.vn Điện thoại: 0206.3856.930
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng	Số 030, phố Xuân Trường, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	Email: sokhdt@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3852182
Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Cao Bằng	Số 38 phố Xuân Trường, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Email: soldtbxh@caobang.gov.vn Điện Thoại: 0206.3.852.162
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng	Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Email: sonongnghiep@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3853.266
Sở Tài Chính tỉnh Cao Bằng	Trung tâm hành chính - Phường Đề Thám – Tp Cao Bằng	Email: stccaobang@mof.gov.vn Điện thoại: 0206.3852221

Danh sách các Cơ quan, Ban ngành tỉnh Cao Bằng

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	LIÊN HỆ
Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Cao Bằng	Số 01 Hoàng Như, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	Email: sotttt@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3859818
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng	Số 047 Lý Tự Trọng, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng	Email: vanhoatttl@caobang.gov.vn Điện Thoại: 0206.3854.211
Sở Y tế tỉnh Cao Bằng	Số 01, phố Hoàng Như, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Email: soyte@caobang.gov.vn Điện thoại: 02063.852 272
Kho bạc Nhà nước Cao Bằng	Km5 Phường Đề Thám, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	Email: kbnn-caobang@vst.gov.vn Điện thoại: 0206.3850.408
Ban Quản lý khu kinh tế	Km5 Phường Đề Thám -Thành phố Cao Bằng	Mail: banquanlykinhte@caobang.gov.vn Điện thoại: 02063.854.529
Sở Công thương tỉnh Cao Bằng	Số 108 Hoàng Văn Thụ, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Email: socongthuong@caobang.gov.vn Điện thoại: 02063.852.404
Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng	Số 83, phố Xuân Trường, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Email: sogtvt@caobang.gov.vn Điện Thoại: 0206 3852 397
Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng	Tổ 5, phường Sông Hiến, TP Cao Bằng	Email: sokhcn@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3852421
Sở ngoại vụ tỉnh Cao Bằng	Đường Pác Bó, Phường Ngọc Xuân, Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng	Email: songoaivu@caobang.gov.vn Điện Thoại: 0206 3 858 692
Sở nội vụ tỉnh Cao Bằng	Số 34, phố Đàm Quang Trung, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	Email: sonoivu@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3852.422
Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng	126 Bế Văn Đàn, P. Hợp giang, Cao Bằng	Email: tainguyenmoitruong@caobang.gov.vn Điện thoại: 02063852372
Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Đường Bế Văn Đàn - Phường Hợp Giang – Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng	Email: tuphap@caobang.gov.vn Điện Thoại: 02063 852 443
Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Số 023 Bế Văn Đàn, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng	Email: soxaydung@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206.3852.192
Ban dân tộc tỉnh Cao Bằng	Số 01 Hoàng Như, Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	Email: bandantoc@caobang.gov.vn Điện thoại: 0206 3857 441
Công an tỉnh Cao Bằng	Đường Tân An - Phường Tân Giang – TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng	Email: congan@caobang.gov.vn Điện thoại: 069.2406.112
Thanh tra tỉnh Cao Bằng	034, phố Xuân Trường, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng	Email: thanhtra@caobang.gov.vn Điện thoại: (02063) 850 664
Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng	Số 015 Bế Văn Đàn – Thành phố Cao Bằng – Tỉnh Cao Bằng	Email: trangtinvkzcaobang@gmail.com Điện thoại: 0263. 852. 436

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Cao Bằng Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tỉnh Cao Bằng

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng
lần thứ XI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://bitly.com.vn/igswve>

Thành Phố Cao Bằng

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ thành phố Cao
Bằng lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://bitly.com.vn/fb2umo>

Huyện Bảo Lâm

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Lâm
lần thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://bitly.com.vn/4u4ifg>

Huyện Bảo Lạc

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Lạc
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://bitly.com.vn/7lgs03>

Huyện Hà Quảng

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Hà Quảng
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://bitly.com.vn/dxlrpw>

Huyện Trùng Khánh

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Trùng
Khánh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)

<https://bitly.com.vn/woe9sn>

Huyện Hạ Lang

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hạ Lang lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025)

<https://bitly.com.vn/b3a6hr>

Huyện Quảng Hòa

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Quảng Hòa
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://bitly.com.vn/abeka3>

Huyện Hòa An

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hòa An lần
thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://bitly.com.vn/q265qc>

Huyện Nguyên Bình

Đại hội Đảng bộ huyện Nguyên Bình lần thứ
VIII (nhiệm kỳ 2020-2025)

<https://bitly.com.vn/3w3d48>

Huyện Thạch An

Đại hội Đảng bộ huyện Thạch An lần thứ XII
(nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://bitly.com.vn/oellr3>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Cao Bằng

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km ²)	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
TOÀN TỈNH	810,96	530.341	79
Thành phố Cao Bằng	107,12	73.549	687
Huyện Bảo Lâm	913.06	65.025	71
Huyện Bảo Lạc	920.72	54.420	59
Huyện Hòa Quảng	810.96	59.467	73.3
Huyện Trùng Khánh	688.01	70.424	102.4
Huyện Hạ Lang	810,96	52.439	56
Huyện Quảng Hòa	668,95	66.620	99.6
Huyện Hòa An	6655,34	52.762	87
Huyện Nguyên Bình	841	39.654	47
Huyện Thạch An	687,4	29.820	43

